

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày 05/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Đình và bà Đình Thị Thu Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1962;

2. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964; do ông Ông Trần Văn S đại diện theo ủy quyền.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, anh Nguyễn Văn H trình bày: Do giữa anh và vợ chồng ông Trần Văn S, bà Hoàng Thị T có quan hệ quen biết, khi đó anh kinh doanh bán cám chăn nuôi gia súc gia cầm, còn ông S là người chăn nuôi gia súc gia cầm.

Khoảng đầu tháng 7/2018 ông S có đến gia đình anh đặt vấn đề mua cám về để chăn nuôi gia súc, gia cầm, cụ thể là cám cá, cám gà và cám vịt. Giữa anh và ông S có thỏa thuận miệng với nhau khi nào ông S cần cám thì gọi điện để anh mang cám đến và khi đến lứa bán được cá, gà, vịt thì ông S sẽ thanh toán tiền mua cám cho anh. Sau mỗi lần ông S gọi điện thì anh trực tiếp chở cám đến nhà ông S để giao, khi thì ông S là người trực tiếp nhận cám, khi thì bà T là vợ ông S hoặc khi thì con trai ông S là anh Phúc nhận cám và ký nhận vào sổ nợ do anh viết. Tuy nhiên từ sau khi mua cám của anh thì ông S không trả cho anh được số tiền mua cám nào. Kể từ ngày 28/7/2018 đến ngày 06/10/2019, anh đã chở cám đến giao cho ông S rất nhiều lần cụ thể như thế nào thì anh không nhớ được. Đến ngày 06/10/2019 giữa anh và ông S, bà T đã chốt nợ mua bán cám với nhau bằng hình thức giấy vay tiền là vợ chồng ông S, bà T vay anh số tiền là 595.085.000 đồng để mua bán cám chăn nuôi, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là ngày 30/4/2020 với lãi suất là 1%/tháng. Giấy vay tiền có cả ông S và bà T ký nhận.

Tuy nhiên đến hạn trả (ngày 30/4/2020), ông S và bà T không trả cho anh số tiền trên cũng như không trả được đồng tiền lãi nào như đã thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 06/10/2019. Anh đã nhiều lần trực tiếp đến gia đình ông S đề nghị vợ chồng ông S trả tiền, ban đầu ông S, bà T còn khất nợ, nhưng sau này thì có ý không hợp tác trả cho anh.

Nay Anh xác định không thể đòi được vợ chồng ông S số tiền trên, nên anh đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T phải trả cho anh số tiền vay là 595.085.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn H không trình bày gì thêm.

** Tại bản tự khai và lời khai tại Tòa án đồng bị đơn ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện trình bày:* Trước năm 2018 vợ chồng ông có chăn nuôi gia súc gia cầm. Đến năm 2018 anh H đến gia đình ông mời mua cám chăn nuôi do anh H bán. Khi đó hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau là khi cần mua cám ông sẽ điện thoại cho anh H để anh H chở cám giao cho gia đình ông. Cho đến khi nào gia cầm được bán thì ông sẽ phải trả tiền cám trả cho anh H. Ông cũng không hỏi anh H loại cám gì, giá bao nhiêu tiền. Hai bên không thỏa thuận gì về tiền lãi khi chậm thanh toán. Sau mỗi lần cần lấy cám ông gọi điện để anh H chở cám đến cho gia đình ông. Mỗi lần giao cám, anh H đều ghi vào sổ nợ để gia đình ông ký. Khi nhận cám thường là do ông ký, cũng có khi vợ và con trai, con dâu ông ký sổ nợ. Ông có lập sổ nhận cám tuy nhiên khi nào nhớ thì ghi, còn không nhớ thì không ghi nên không ghi nợ được đầy đủ.

Nhưng do ông chăn nuôi gặp đúng đợt dịch bệnh nên cá, gà, vịt chết hết nên vợ chồng ông chưa có để trả cho anh H.

Đến ngày 06/10/2019 giữa vợ chồng ông và anh Nguyễn Văn H có chốt nợ số tiền mua bán cám chăn nuôi với nhau bằng hình thức anh H cho vợ chồng ông

vay số tiền 595.085.000 đồng để mua cám chăn nuôi. Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2020. Trong giấy vay tiền ông và bà Hoàng Thị T vợ ông cùng ký nhận. Thực tế đây là số tiền vợ chồng ông mua cám nợ của anh H. Vợ chồng ông xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 06/10/2019 là chữ ký của vợ chồng ông, tuy nhiên do quen tay nên bà T khi ký thì ghi là Tấn còn khi ghi họ và tên lại ghi là Hoàng Thị Tm.

Nay anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 595.085.000 đồng gốc và tiền lãi thì vợ chồng ông thống nhất số tiền nợ là đúng. Tuy nhiên do hiện nay vợ chồng ông làm ăn không gặp, bị thua lỗ nên không có điều kiện trả ngay cho anh H, vì vậy vợ chồng ông đề nghị anh H cho vợ chồng ông được trả nợ dần. Riêng đối với số tiền lãi thì vợ chồng đề nghị anh H miễn tiền lãi cho vợ chồng ông.

Ngoài ra ông Trần Văn S, bà Hoàng Thị T không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 27, các Điều 385, 429, 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468, 470 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Buộc ông Trần Văn S bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện theo uỷ quyền phải có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Văn H 595.085.000 đồng tiền gốc và 148.689.732 đồng tiền lãi.

Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc ông Trần Văn S bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện phải chịu 33.750.989 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai vắng mặt những có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông S theo quy định.

[1.2] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giao dịch giữa các bên về bản chất là việc mua bán hàng hoá, bên nguyên đơn có trách nhiệm cung cấp hàng hoá (thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm) bên bị đơn có trách nhiệm trả tiền hàng hoá. Tuy nhiên bên bị đơn không có tiền trả tiền hàng nên kể từ ngày 06/10/2019 đã quyết định, định đoạt chuyển sang dạng hợp đồng vay tài sản được thể hiện qua Giấy vay tiền do anh Nguyễn Văn H cung cấp thể hiện: Ngày 06/10/2019, anh H cho ông S vay 595.085.000 đồng để mua cám chăn nuôi cá, gà, vịt, thời hạn trả là ngày 30/4/2020. Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hai bên đi đến thống nhất ký kết trong tình trạng sức khỏe minh mẫn khỏe mạnh. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các bên đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện vào ngày 06/10/2019. Do đó, cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tại thời điểm các bên giao dịch để giải quyết vụ án.

[1.4] Thời hiệu khởi kiện: Giấy biên nhận vay tiền được các bên xác lập vào ngày 06/10/2019, thời hạn hai bên thỏa thuận thanh toán cho nhau là ngày 30/4/2020. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án là ba năm kể từ ngày biết quyền và nghĩa vụ của mình bị xâm hại (ngày 30/4/2020) nên ngày 15/10/2021, anh Nguyễn Văn H khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Nội dung vụ án: Giấy vay tiền ngày 06/10/2019 thể hiện: Ngày 06/10/2019, anh H cho ông S vay 595.085.000 đồng để mua cám chăn nuôi cá, gà, vịt, thời hạn trả là ngày 30/4/2020. Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hai bên đi đến thống nhất ký kết trong tình trạng sức khỏe minh mẫn khỏe mạnh. Ông S, bà T ký bên vay.

Bị đơn vợ chồng ông S thừa nhận có nợ anh H số tiền mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm từ năm 2018, nhưng do dịch bệnh thua lỗ không có để trả anh

H, do vậy ngày 06/10/2019 giữa anh H và vợ chồng ông S đã thống nhất chuyển số nợ 595.085.000 đồng tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm này thành giấy vay tiền có thời hạn vay và có lãi như trong giấy vay tiền thể hiện và vợ chồng ông S là người ký nhận. Lời khai của vợ chồng ông S phù hợp với lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, Vì vậy, chứng cứ này không phải chứng minh và không xem xét đến việc mua bán hàng hoá trước đó của các bên.

Vợ chồng ông S đồng ý trả số tiền nợ trên nhưng đề nghị được trả dần và không đồng ý trả lãi đối với số tiền trên.

Hội đồng xét xử thấy: Năm 2018 giữa anh Nguyễn Văn H và vợ chồng ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T có giao kết hợp đồng bằng miệng về việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm (gà, vịt, cá), theo đó anh H có nghĩa vụ giao cám cho vợ chồng ông S tại nhà ông S, số lượng chủng loại do nhu cầu của vợ chồng ông S, vợ chồng ông S nhận hàng và có nghĩa vụ thanh toán cho anh H khi vợ chồng ông S bán gia súc, gia cầm (gà, vịt, cá). Xong do dịch bệnh gia súc, gia cầm chết không được thu hoạch nên không có tiền trả cho anh H. Do không có tiền trả nợ nên vào ngày 06/10/2019 giữa anh H và vợ chồng ông S đã thống nhất chốt nợ và chuyển số nợ trên thành hợp đồng vay tiền thể hiện thông qua giấy biên nhận vay tiền cùng ngày có thời hạn vay và có lãi. Xét thấy từ hợp đồng bằng miệng mua bán thức ăn gia súc, gia cầm của năm 2018 chuyển thành hợp đồng vay tài sản ngày 06/10/2020, khi xác lập giao dịch này giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện định đoạt, không bị ép buộc và không vi phạm điều cấm. Giấy biên nhận vay tiền này thể hiện đầy đủ nội dung về: số tiền vay, thời hạn thanh toán và lãi xuất; các nội dung đều phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Ông S, bà T là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các giao dịch do mình ký kết.

[2.1] Đối với yêu cầu tính lãi thì thấy: Tại giấy vay tiền ngày 06/10/2019, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông S trả lãi theo quy định của pháp luật, do vậy lãi xuất được tính theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự.

Do trong giao dịch dân sự nêu trên có thỏa thuận lãi suất, nhưng sau đó anh H đề nghị trả lãi theo quy định của pháp luật do vậy vợ chồng ông S phải trả lãi trong hạn theo mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: *“bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 20%/năm”*, nghĩa là bằng 10%/năm (0,8333%/tháng). Đến hạn thanh toán ngày 30/4/2020 vợ chồng ông S phải thanh toán trả cho anh H hết thời hạn này vợ chồng ông S không trả thì theo quy định khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự vợ chồng ông S phải trả lãi quá hạn tính từ ngày 01/5/2020 (vi phạm nghĩa vụ thanh toán) cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa anh H chỉ đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định của

pháp luật kể từ khi vay cho đến ngày xét xử mà không yêu cầu tính lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán cũng như tính lãi đối với số tiền lãi trên nợ lãi quá hạn.

Như vậy, số tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất: $595.085.000 \text{ đồng} \times 0,8333\%/\text{tháng} \times 912 \text{ ngày} (06/10/2029 - 05/4/2022) = 148.689.732 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đối với vợ chồng ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện. Buộc vợ chồng ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện phải trả anh Nguyễn Văn H 595.085.000 đồng tiền gốc và 148.689.732 đồng tiền lãi.

[3] Án phí: Vụ án này xảy ra do lỗi của vợ chồng ông S nên vợ chồng ông S phải chịu 33.750.989 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 429, Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện phải trả anh Nguyễn Văn H 595.085.000 đồng tiền gốc và 148.689.732 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 743.774.732 đồng (*Bảy trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm ba hai đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Vợ chồng ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị T do ông Trần Văn S đại diện phải chịu 33.750.989 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả anh Nguyễn Văn H 13.704.700 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0009271 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh

